

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23/8/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên;
2. Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-ST ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;
2. Bị đơn: Anh Lê Quốc T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Quốc T1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A vào ngày 29/12/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Anh T2 thường xuyên đánh chị, hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau. Vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Quốc T1. Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Lê Đoàn Thiên V sinh ngày 08/10/2009 và Lê Đoàn Thiên V1, sinh ngày 03/01/2013. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu

anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Quốc T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo các thông báo, triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân chấp nhận cho chị Đoàn Thị T ly hôn với anh Lê Quốc T1. Về việc nuôi con, giao cho chị T trực tiếp nuôi 02 con là Lê Đoàn Thiên V và Lê Đoàn Thiên V1. Về án phí, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Đoàn Thị T yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Lê Quốc T1; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Lê Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Quốc T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Lê Quốc T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1. Theo kết quả xác minh tại Thôn T 02, mẹ đẻ của anh T1 thì vợ chồng chị T, anh T1 thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Hai bên gia đình cũng đã tổ chức hòa giải, động viên nhưng không thành. Anh Tuấn nhiều lần được Tòa án thông báo hòa giải nhưng không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị T với anh Lê Quốc T1.

[4] Về việc nuôi con: Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung là Lê Đoàn Thiên V, sinh ngày 08/10/2009 và Lê Đoàn Thiên V1, sinh ngày 03/01/2013. Xét cháu V và cháu V1 hiện đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đang trong

độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Cháu V, cháu V1 đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Lê Quốc T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Đoàn Thị T ly hôn với anh Lê Quốc T1.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi 02 con chung là Lê Đoàn Thiên V, sinh ngày 08/10/2009 và Lê Đoàn Thiên V1, sinh ngày 03/01/2013, khi cháu V, cháu V1 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006628 ngày 23 tháng 3 năm

2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Quốc T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 23/8 /2023. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch, số 82, quyển số 01 năm 2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo